TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN N** **TP. Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **45**/2019/QĐST-HNGĐ	*N, ngày 03 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Dân sự thụ lý số 17/2019/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị N**, sinh năm 1981; trú tại: Thôn A, xã H, huyện H, TP.Đ;

Bị đơn: Ông **Nguyễn T**, sinh năm 1980; trú tại: Tổ 56, phường H, quận N, thành phố Đ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Trần Thị N, sinh năm 1981 và ông Nguyễn T, sinh năm 1980.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị N và ông Nguyễn T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giao con Nguyễn Bảo T, sinh ngày 11/01/2012 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Giao con Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 24/7/2013 cho bà Nga trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Ly hôn các bên đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 150.000đ bà N tự nguyện chịu được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà Nga đã nộp theo biên lai thu số 0001964 ngày 25/02/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận N, thành phố Đ.

Hoàn trả cho bà N 150.000đ tiền tạm ứng án phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS Q.N;
- UBND phường H,
quận N, TP Đ.
(theo Giấy chứng nhận kết hôn số 62/2011,
quyển sổ 01/2011, đăng ký ngày 22/7/2011).
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Trần Công Hoan